

Biểu 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN CẢN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND huyện Hữu Lũng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
	TỔNG SỐ						983.303	786.321	0	185.046	150.608	58.218	647.240	647.240	306.608	2.070	342.702	
A	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN (DANH MỤC ĐÃ GIAO CHI TIẾT)						665.883	499.800	0	185.046	150.608	58.218	406.907	406.907	66.275	2.070	342.702	
I	Nguồn vốn NQ 16						60.873	52.873	0	41.397	41.196	14.761	57.604	57.604	1.310	1.187	57.480	
a	Điều chỉnh, bổ sung						52.873	52.673	0	41.397	41.196	14.761	57.604	57.604	1.310	987	57.280	
1	Trường MN xã Minh Hòa		xã Minh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2018 - 2020	4562/QĐ-UBND; 27/10/2017	5.660	5.660	5106/QĐ-UBND; 15/7/2021	5.446	5.446	4.864	796	796	250		546	1. DA đã quyết toán
2	Trụ sở UBND xã Hòa Thắng		Xã Hòa Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2018-2019	3977/QĐ-UBND; ngày 29/10/2018	4.537	4.537	1550/QĐ-UBND; 12/5/2021	4.423	4.423	3.595	942	942	114		828	1. DA đã quyết toán
3	Trụ sở UBND xã Hòa Sơn		Xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2018-2019	3976/QĐ-UBND; ngày 29/10/2018	4.500	4.500	1263/QĐ-UBND; 16/4/2021	4.382	4.382	3.150	1.350	1.350	118		1.232	1. DA đã quyết toán
4	Trụ sở UBND xã Đồng Tiến		Xã Đồng Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2018-2019	3978/QĐ-UBND; ngày 29/10/2018	4.377	4.377	1204/QĐ-UBND; 09/4/2021	4.316	4.316	3.152	1.225	1.225	60		1.164	1. DA đã quyết toán
5	Trụ sở UBND xã Yên Vượng		Xã Yên Vượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	3971/QĐ-UBND; ngày 27/8/2021	5.200	5.200	4450/QĐ-UBND; 31/10/2023	5.086	5.086		5.200	5.200	114		5.086	1. DA đã quyết toán
6	Trụ sở UBND xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	5159/QĐ-UBND; ngày 18/10/2021	4.500	4.300	3417/QĐ-UBND; 18/7/2024	4.352	4.152		4.300	4.300	148		4.152	1. DA đã quyết toán
7	Trụ sở UBND xã Văn Nham		xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2023	1395/QĐ-UBND; ngày 25/04/2022	5.200	5.200	4562/QĐ-UBND; 6/11/2023	5.142	5.142		5.200	5.200	58		5.142	1. DA đã quyết toán
8	Trụ sở UBND xã Hữu Liên		xã Hữu Liên	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2023	1418/QĐ-UBND; ngày 26/04/2022	5.200	5.200	5955/QĐ-UBND; 14/12/2023	5.066	5.066		5.200	5.200	134		5.066	1. DA đã quyết toán
9	Trường THCS xã Hữu Liên	Xây mới 03 phòng học chức năng, sửa chữa nhà 02 tầng 06 phòng học	xã Hữu Liên	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2023	71/QĐ-UBND; ngày 11/01/2022	3.300	3.300	1485/QĐ-UBND; 14/4/2023	3.183	3.183		3.300	3.300	117		3.183	1. DA đã quyết toán
10	Trụ sở UBND xã Hòa Lạc		xã Hòa Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022 - 2024	49/QĐ-UBND; ngày 07/01/2022	5.200	5.200					5.000	5.000	197	0	4.803	Dự kiến 2025: 1.250tr
11	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn			Phòng Kinh tế & HT	2022 - 2025								18.761	18.761		927	19.688	Dự kiến 2025: 5.513tr
12	Hỗ trợ xi măng làm thủy lợi nhỏ			Phòng NN&PTNT	2022 - 2025								1.330	1.330		60	1.390	Dự kiến 2025: 280tr
13	Trụ sở UBND xã Đồng Tân		xã Đồng Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	5796/QĐ-UBND; 30/11/2023	5.200	5.200					5.000	5.000	0	0	5.000	Dự kiến 2025: 500tr
b	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026-2030						8.000	200	0	0	0	0	0	0	0	200	200	
1	Xây mới trạm y tế xã Thanh Sơn		xã Thanh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2026-2028	NQ số 42/NQ-HĐND; 18/9/2024	3.000	100					0	0		100	100	
2	Xây mới Nhà văn hóa xã Thanh Sơn		xã Thanh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2026-2028	NQ số 42/NQ-HĐND; 18/9/2025	5.000	100					0	0		100	100	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn vốn khác ngân sách huyện						605.010	446.927	0	143.649	109.412	43.457	349.303	349.303	64.965	883	285.221	
a	Dự án chuyển tiếp						266.957	190.264	0	120.902	90.963	43.457	139.586	139.586	18.443	333	121.476	
	Giao thông						86.337	39.453	0	26.136	26.136	13.850	25.595	25.595	1.667	0	23.928	
1	MR nâng cấp mặt đường và hệ phò thị trấn Hữu Lũng (giai đoạn II)		Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2018-2019	4065/01/11/2018	14.525	14.525	1839/QĐ-UBND; 18/6/2021	13.327	13.327	12.850	1.667	1.667	1.667		0	Đã bố trí vốn 13.315 triệu
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH95 từ đường 242 đến đường rẽ vào trụ sở UBND xã Minh Hòa		xã Sơn Hà, Minh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1789/QĐ-UBND; ngày 09/6/2021; 5960a/QĐ-UBND; ngày 17/12/2021	7.000	7.000					7.000	7.000	0	0	7.000	
3	Cấp điện lưới Quốc gia đến thôn Hồ Mười , xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	20/7/2020-13/01/2021	2073/QĐ-UBND; ngày 8/6/2020	7.030	1.440	89/QĐ-UBND; 13/01/2022	6.895	6.895	1.000	440	440	0		440	1. DA đã quyết toán

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
4	Nâng cấp, cải tạo đoạn đường ĐH 96 từ thôn Bắc Lệ xã Tân Thành đi xã Hòa Sơn		xã Tân Thành, xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	5713/QĐ-UBND; 26/11/2021	6.000	6.000	1217/QĐ-UBND; 28/3/2023	5.914	5.914		6.000	6.000	0		6.000	1. DA đã quyết toán
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT.242 đoạn tiếp giáp dự án Khu đô thị mới Hữu Lũng		xã Sơn Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2023	1223/QĐ-UBND; 12/4/2021	51.782	10.488					10.488	10.488	0	0	10.488	
	Quản lý nhà nước; văn hóa						50.221	21.932	0	48.817	20.134	26.000	16.240	16.240	1.618	133	14.755	
6	Trụ sở UBND xã Sơn Hà		xã Sơn Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2020-2021	2974 (22/7/2020)	4.238	4.238	6284/QĐ-UBND, 28/12/2021	4.232	4.232	3.483	1.688	1.688	949	0	739	
7	Trụ sở UBND xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	5159/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	4.500	200	3417/QĐ-UBND; 18/7/2024	4.352	200		200	200	0	0	200	
8	Cổng chào ngã tư huyện		xã Sơn Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện	18/7/2020-18/10/2020	2918/QĐ-UBND huyện ngày 14/7/2020	545	545	1624/QĐ-UBND, 20/5/2021	540	540	300	240	240	0	0	240	
9	Nâng cấp, sửa chữa sân vận động huyện		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1819 (11/6/2021)	4.254	4.254	1687/QĐ-UBND, 04/5/2023	4.219	4.219	2.000	2.250	2.250	0	0	2.250	
10	Sửa chữa khuôn viên và trụ sở Mặt trận Tổ quốc huyện		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1228/QĐ-UBND ngày 13/3/2021	1.050	1.050	87/QĐ-UBND, 12/01/2022	1.032	1.032		1.050	1.050	0	0	1.050	
11	Cải tạo, chỉnh trang khuôn viên UBND huyện Hữu Lũng		thị trấn	Văn phòng HĐND&UBND	2021	4451/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	1.000	1.000	344/QĐ-UBND; 26/01/2022	934	934		1.000	1.000	0	0	1.000	
12	Sửa chữa nhà thi đấu huyện		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	2321/QĐ-UBND ngày 30/7/2017	1.999	1.999	178/QĐ-UBND; 18/01/2023	1.962	1.962		1.999	1.999	0	0	1.999	
13	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	5177 (20/10/2021)	1.916	1.916	1062/QĐ-UBND; 15/3/2023	1.755	1.755		1.916	1.916	161		1.755	
14	Đền trang trí đường nội thị huyện Hữu Lũng		thị trấn	Trung Tâm Văn hóa TT- TH	2021-2022	5691 (24/11/2021)	750	750	3600/QĐ-UBND; 19/9/2022	692	242		750	750	508		242	
15	Cải tạo phòng họp tầng 2, tầng 4 Nhà 5 tầng Trụ sở UBND huyện Hữu Lũng		thị trấn	Văn phòng HĐND&UBND	2021-2022	5821 (08/12/2021)	1.000	1.000	5094/QĐ-UBND; 12/12/2022	953	953		1.000	1.000	0	0	1.000	
16	Xây mới Nhà văn hóa xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	6333 (30/12/2021)	3.958	100	4366/QĐ-UBND; 30/10/2023	3.746	100		100	100	0	0	100	Chưa bị đầu tư DA thực hiện CMTMQGXĐNTM
17	Nhà văn hóa huyện Hữu Lũng		Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2018-2021	4766/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	24.096	3.965	1235/QĐ-UBND, 06/4/2022	23.484	3.965	19.517	3.832	3.832		133	3.965	
18	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy Hữu Lũng		Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2019-2020	1637/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	915	915	1637/QĐ-UBND; 24/5/2021	915		700	215	215	0	0	215	
	Giáo dục - Đào tạo						91.302	89.782	0	45.949	44.693	3.607	43.654	43.654	2.158	200	41.696	
19	08 phòng học Trường Tiểu học xã Tân Lập (Nhà 08 phòng học Trường PTDT bán trú tiểu học 2 xã Thiện Tân)		xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện	2020-2021	1126/QĐ-UBND ngày 03/4/2020	4.596	4.596	6317/QĐ-UBND, 29/12/2021	4.596	4.596	3.607	2.046	2.046	1.057		989	1. DA đã quyết toán
20	Xây mới Khu hiệu bộ + 04 phòng học bộ môn trường THCS xã Sơn Hà		xã Sơn Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1794/QĐ-UBND; 11/6/2021	4.977	4.977	5263/QĐ-UBND; 22/12/2022	4.767	4.767		4.977	4.977	209		4.768	1. DA đã quyết toán
21	Xây mới 04 phòng học trường THPT&THCS xã Minh Tiến		xã Minh Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1342/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	1.800	1.800	6318/QĐ-UBND, 29/12/2021	1.787	1.787		1.800	1.800	13		1.787	1. DA đã quyết toán
22	Sửa chữa, cải tạo Trường THCS thị trấn Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1623/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	3.000	3.000	1043/QĐ-UBND, 14/3/2023	2.880	2.880		3.000	3.000	120		2.880	1. DA đã quyết toán
23	Xây mới Khu hiệu bộ trường Tiểu học xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	1.288	1.288	1403/QĐ-UBND, 25/4/2022	1.253	1.253		1.280	1.280	27		1.253	1. DA đã quyết toán
24	02 phòng chức năng và nhà Ban giám hiệu trường THCS 2 xã Văn Nham		xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1588/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	2.300	2.300	5899/QĐ-UBND; 06/12/2023	2.143	2.143		2.300	2.300	137		2.163	1. DA đã quyết toán
25	Xây mới Khu hiệu bộ và sửa chữa nhà 03 tầng trường Tiểu học 1 thị trấn Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1616/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	1.700	1.700	2078/QĐ-UBND; 31/5/2022	1.693	1.693		1.700	1.700	7		1.693	1. DA đã quyết toán
26	Sửa chữa trường TH xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Phòng GD&ĐT	2021	1848 (21/6/2021)	700	700	348/QĐ-UBND; 26/01/2022	686	686		700	700	0		700	1. DA đã quyết toán
27	Hỗ trợ Xây dựng bếp ăn trường MN xã Thanh Sơn		xã Thanh Sơn	Phòng GD&ĐT	2021	2017 (7/7/2021)	700	500	2022/QĐ-UBND; 31/5/2022	687	500		500	500	0		500	1. DA đã quyết toán

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
28	Xây mới 04 phòng học trường TH&THCS xã Hòa Thắng		xã Hòa Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1563 (13/5/2021)	1.716	1.716	2648/QĐ-UBND;11/7/2022	1.690	1.690		1.716	1.716	26		1.690	1. DA đã quyết toán
29	Xây mới khu nhà hiệu bộ trường TH&THCS xã Thanh Sơn		xã Thanh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1406(29/4/2021)	1.209	1.209	6300/QĐ-UBND;28/12/2021	1.194	1.194		1.209	1.209	15		1.194	1. DA đã quyết toán
30	Xây mới 04 phòng học trường THCS xã Quyết Thắng		xã Quyết Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	1407(29/4/2021)	1.763	1.763	226/QĐ-UBND; 30/1/2023	1.712	1.712		1.763	1.763	0		1.763	1. DA đã quyết toán
31	Xây mới 02 phòng học trường Mầm non xã Hòa Lạc, điểm trường Thịnh Hòa		xã Hòa Lạc	Phòng GD&ĐT	2021	1845 (18/6/2021)	900	750	2484/QĐ-UBND; 30/6/2022	871	871		750	750	0		750	1. DA đã quyết toán
32	Xây mới Khu hiệu bộ trường Mầm non xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021	5372 (28/10/2021)	1.288	1.288	6315/QĐ-UBND, 29/12/2022	1.262	1.262		1.288	1.288	26		1.262	1. DA đã quyết toán
33	Nhà 02 phòng học điểm Trường Bảo Đài, Trường tiểu học 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng		xã Hòa Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	3834 (24/8/021)	1.000	1.000	2044/QĐ-UBND, 31/5/2022	941	941		1.000	1.000	59		941	1. DA đã quyết toán
34	Xây mới 04 phòng học Trường Tiểu học xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	5040 (24/8/021)	1.795	1.795	58/QĐ-UBND, 06/01/2023	1.746	1.746		1.795	1.795	46		1.749	1. DA đã quyết toán
35	Nhà 03 phòng chức năng và Nhà Ban giám hiệu Trường THCS xã Minh Hòa		xã Minh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	3833 (24/8/021)	3.000	3.000	1184/QĐ-UBND;24/3/2023	2.828	2.828		3.000	3.000	164		2.836	1. DA đã quyết toán
36	Nhà 04 phòng chức năng Trường Tiểu học 2 xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	5062 (24/8/021)	1.900	1.900	2961/QĐ-UBND; 19/7/2023	1.857	1.857		1.900	1.900	35		1.865	1. DA đã quyết toán
37	Nhà hiệu bộ Trường MN xã Yên Vượng		xã Yên Vượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	3832 (24/8/021)	1.300	1.300	4450/QĐ-UBND, 31/10/2023	1.243	1.243		1.300	1.300	57		1.243	1. DA đã quyết toán
38	Nhà 08 phòng học Trường Mầm non xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng		xã Yên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2023	5532 (11/11/2021)	6.000	6.000	278/QĐ-UBND, 22/01/2024	5.822	5.822		6.000	6.000	160		5.840	1. DA đã quyết toán
39	Khu hiệu bộ Trường THCS xã Tân Thành		xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	2021-2022	357 (28/01/2022)	1.300	550	1376/QĐ-UBND; 06/4/2023	1.248	550		550	550	0		550	1. DA đã quyết toán
40	Xây mới 01 phòng học điểm trường thôn Đoàn Kết Trường Mầm non xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Phòng GD-ĐT	2021-2022	6307 (29/12/2021)	600	530	7059/QĐ-UBND; 17/9/2024	591	530		530	530	0	0	530	1. DA đã quyết toán
41	Hỗ trợ xây mới 01 bếp ăn bán trú điểm trường Thịnh Hòa, Trường Mầm non xã Hòa Lạc		xã Hòa Lạc	Phòng GD-ĐT	2021-2022	6306 (29/12/2021)	300	150	403/QĐ-UBND; 31/01/2024	277	150		150	150	0	0	150	1. DA đã quyết toán
42	Xây dựng 02 phòng học điểm trường Voi Xỏ Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng		xã Hòa Thắng	Phòng GD-ĐT	2021-2022	6308 (29/12/2021)	900	700	3240a/QĐ-UBND; 29/8/2022	883	700		700	700	0	0	700	1. DA đã quyết toán
43	Xây mới Khu nhà Hiệu bộ Trường PTDTBT THCS 1 xã Thiện Tân		xã Thiện Tân	Phòng GD-ĐT	2021-2022	6309 (29/12/2021)	1.300	1.300	2341/QĐ-UBND; 06/6/2023	1.293	1.293		1.100	1.100	0	200	1.300	1. DA đã quyết toán
44	Xây dựng 02 phòng chức năng Trường THCS xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	6283 (28/12/2021)	1.137	1.137					100	100			100	Chuẩn bị đầu tư DA thực hiện CTMTQGXDNTM
45	Trường Tiểu học xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	6286 (28/12/2021)	9.458	9.458					100	100			100	Chuẩn bị đầu tư DA thực hiện CTMTQGXDNTM
46	Trường Mầm non xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	6281 (28/12/2021)	9.729	9.729					100	100			100	Chuẩn bị đầu tư DA thực hiện CTMTQGXDNTM
47	Trường Mầm non 2 xã Văn Nham		xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	6334 (30/12/2021)	6.921	6.921					100	100			100	Chuẩn bị đầu tư DA thực hiện CTMTQGXDNTM
48	Trường Tiểu học 2 xã Văn Nham		xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	1384 (21/04/2022)	12.000	12.000					100	100			100	Chuẩn bị đầu tư DA thực hiện CTMTQGXDNTM
49	Trường THCS 1 xã Văn Nham		xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	6027 (23/12/2021)	4.725	4.725					100	100			100	Chuẩn bị đầu tư DA thực hiện CTMTQGXDNTM
	Đo đạc, Lập quy hoạch						39.097	39.097	0	0	0	0	54.097	54.097	13.000	0	41.097	
50	Đo đạc bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Cai Kinh		xã Cai Kinh	Phòng Tài nguyên & MT	2021	1836 (15/6/2021)	5.045	5.045					5.045	5.045			5.045	
51	Đo đạc bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Phòng Tài nguyên & MT	2021	1834 (15/6/2021)	6.504	6.504					6.504	6.504			6.504	

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
52	Đo đạc bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Hòa Lạc		xã Hòa Lạc	Phòng Tài nguyên & MT	2021	1835 (15/6/2021)	5.548	5.548					5.548	5.548			5.548	
53	Lập hồ sơ quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hữu Lũng			Phòng Tài nguyên & MT	2021		3.000	3.000					3.000	3.000			3.000	
54	Trích nộp 10% về quỹ phát triển đất tỉnh				2021 - 2025		19.000	19.000					34.000	34.000	13.000		21.000	
b	Dự án khởi công mới						320.373	256.263	0	22.747	18.448	0	209.717	209.717	46.522	150	163.345	
	Quản lý nhà nước						33.450	33.200	0	12.209	12.209	0	33.050	33.050	2.783	150	30.417	
1	Kẻ và sửa chữa tường rào Phòng Tài chính - kế hoạch huyện Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021-2022	2441 (30/06/2022)	800	800	2776/QĐ-UBND; 30/6/2023	766	766		800	800			800	
2	Xây dựng Nhà Đoàn thể, Nhà vệ sinh và cải tạo sửa chữa Nhà làm việc 02 tầng Trụ sở UBND xã Minh Tiến		xã Minh Tiến	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện	2022-203	3037a/QĐ-UBND; 15/8/2022	2.500	2.500	1759/QĐ-UBND;02/5/2024	2.440	2.440		2.500	2.500	60		2.440	
3	Cải tạo sân khối MTTQ và các đoàn thể huyện Hữu Lũng và sửa chữa nhà làm việc Chi nhánh VPDKQSDD		thị trấn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện	2022-203	3099a/QĐ-UBND; 18/8/2022	1.200	1.200	3416/QĐ-UBND; 18/7/2024	1.123	1.123		1.200	1.200	77		1.123	
4	Xây mới khu nhà đa năng Huyện ủy		thị trấn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện	2022-2024	2917a/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 và 1563/QĐ-UBND; 15/4/2024	5.250	5.250					5.250	5.250	0		5.250	Tăng KHV thêm 750 triệu đồng; tăng từ 4.500 triệu đồng lên 5.250 triệu đồng.
5	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện		thị trấn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện	2022-2023	2971a/QĐ-UBND; 08/8/2022	1.200	1.200	6276/QĐ-UBND;29/12/2023	773	773		1.200	1.200	427		773	
6	Cải tạo Nhà để xe, nhà kho lưu trữ và nhà tap vụ UBND huyện		thị trấn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện	2022-2024	3076a/QĐ-UBND; 16/8/2022	2.500	2.500	3488/QĐ-UBND; 23/7/2024	2.476	2.476		2.500	2.500	24		2.476	
7	Xây mới nhà đoàn thể và cải tạo Trụ sở UBND xã Nhật Tiến, huyện Hữu Lũng		xã Nhật Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4677/QĐ-UBND; 22/11/2022	1.800	1.800	6878/QĐ-UBND; 06/9/2024	1.725	1.725		1.800	1.800	75		1.725	
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Hòa Bình, huyện Hữu Lũng		xã Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4676/QĐ-UBND; 22/11/2022	1.250	1.250	3490/QĐ-UBND; 23/7/2024	944	944		1.250	1.250	306		944	
9	Xây mới nhà đoàn thể và cải tạo Trụ sở UBND xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng		xã Yên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4659/QĐ-UBND; 21/11/2022	2.200	2.200	2029/QĐ-UBND, 15/5/2024	1.964	1.964		2.200	2.200	236		1.964	
10	Xây dựng Nhà tiếp dân UBND xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng		xã Quyết Thắng	UBND xã Quyết Thắng	2023-2025	5052a/QĐ-UBND; 08/12/2022	950	700					700	700	0		700	
11	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Chính trị huyện Hữu Lũng		Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	1461a/QĐ-UBND; 12/4/2023	2.500	2.500					2.350	2.350		150	2.500	
12	Xây dựng Nhà đoàn thể xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	2579/QĐ-UBND; 21/6/2023	2.000	2.000				0	2.000	2.000	378		1.622	Giảm bằng TMDT tại QĐ phê duyệt dự án
13	Nâng cấp trụ sở UBND thị trấn Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	5797/QĐ-UBND; 30/11/2023	6.000	6.000				0	6.000	6.000	1.200		4.800	Số còn lại dự kiến bổ trợ GD sau
14	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Huyện ủy		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	2880/QĐ-UBND; 28/6/2024	1.800	1.800					1.800	1.800			1.800	
15	Nhà đoàn thể UBND xã Thanh Sơn, huyện Hữu Lũng		xã Thanh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	3046/QĐ-UBND; 10/7/2024	1.500	1.500					1.500	1.500			1.500	
	Khu tái định cư, dân cư						75.776	75.776	0	0	0	0	34.176	34.176	12.202	0	21.974	
16	Khu tái định cư, dân cư xã Đồng Tân Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn	3,5 ha	xã Đồng Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	84/NQ-HĐND; 21/12/2021	28.776	28.776					12.202	12.202	12.202		0	Vướng mắc, chưa triển khai thực hiện được.
17	Khu dân cư Tân Mỹ 1, thị trấn Hữu Lũng	0,4ha	Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025	1006 (21/03/2022)	8.000	8.000					8.000	8.000	0		8.000	
18	Khu dân cư xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	2534/QĐ-UBND; 20/6/2024	39.000	39.000					13.974	13.974			13.974	

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lũy kế vốn bổ tri từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
	Giáo dục - Đào tạo						76.900	48.064	0	1.920	1.780	0	47.483	47.483	2.489	0	44.994	
19	Trường Mầm non Vĩnh Thịnh, Thị trấn Hữu Lũng	Nhà 02 tầng 06 phòng học và hàng mục phụ trợ	Thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025	3565/QĐ-UBND; 15/9/2022	7.000	7.000					7.000	7.000	400		6.600	
20	Nhà 01 phòng chức năng + 01 phòng tin học trường MN xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng		xã Sơn Hà	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện	2022-2023	2972a/QĐ-UBND; 08/8/2022	1.150	1.150	5925/QĐ-UBND; 12/12/2023	980	980		1.150	1.150	170		980	
21	Xây dựng 02 phòng học điểm trường Đất Đỏ, trường MN xã Hòa Thắng		xã Hòa Thắng	Phòng GD&ĐT	2022-2023	3024a/QĐ-UBND; 12/8/2022	950	800	5883/QĐ-UBND; 05/12/2023	940	800		800	800	0	0	800	
22	Nhà 08 phòng học Trường Tiểu học 2 thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4656/QĐ-UBND; 21/11/2022	6.000	6.000					6.000	6.000	0	0	6.000	
23	Xây mới nhà 04 phòng học và 02 phòng học chức năng trường MN 1 xã Tân Thành		xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	2023-2025	5062/QĐ-UBND; 08/12/2022	6.000	1.800					1.800	1.800	0	0	1.800	
24	Trường THCS xã Cai Kinh	Nhà 02 tầng 08 phòng học, 04 phòng chức năng, 01 khu hành hiệu bộ...	xã Cai Kinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2025	787/QĐ-UBND; 10/3/2022	8.800	8.800					8.800	8.800	0	0	8.800	
25	Trường Tiểu học xã Hòa Sơn	Xây dựng 15 phòng học và các hàng mục phụ trợ khác	Xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	5771/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	12.500	12.500				0	11.919	11.919	1.919		10.000	Dự án có tiến độ thực hiện chậm
26	Trường MN xã Đồng Tân	xã Đồng Tân		Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	3048/QĐ-UBND; 10/7/2024	14.500	4.130					4.130	4.130			4.130	
27	Trường TH 2 xã Minh Sơn	xã Minh Sơn		Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	3064/QĐ-UBND; 10/7/2024	7.500	3.662					3.662	3.662			3.662	
28	Trường TH II thị trấn Hữu Lũng	thị trấn		Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	3047/QĐ-UBND; 10/7/2024	3.500	1.346					1.346	1.346			1.346	
29	Trường TH xã Tân Thành	xã Tân Thành		UBND xã Tân Thành	2024-2026	2880/QĐ-UBND; 28/6/2024	9.000	876					876	876			876	
	Đo đạc, Lập quy hoạch						31.300	31.300	0	0	0	0	32.878	32.878	0	0	32.878	
30	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022			Phòng Tài nguyên & MT	2021 - 2022								500	500			500	
31	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 -2025			Phòng Tài nguyên & MT	2022 - 2023								1.500	1.500			1.500	
32	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Đồng Tân		xã Đồng Tân	Phòng Tài nguyên & MT	2022- 2023		3.000	3.000					3.000	3.000			3.000	
33	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Sơn Hà		xã Sơn Hà	Phòng Tài nguyên & MT	2022 -2024		3.000	3.000					3.000	3.000			3.000	
34	Đo đạc bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và cấp giấy CNQSD đất xã Nhật Tiến		xã Nhật Tiến	Phòng Tài nguyên & MT	2022 - 2024		6.000	6.000					6.000	6.000			6.000	
35	Đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai xã Minh Hòa		xã Minh Sơn	Phòng Tài nguyên & MT	2023-2024	2310/QĐ-UBND; 02/6/2023	6.000	6.000					5.578	5.578			5.578	
36	Đo đạc bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Tân Thành		xã Tân Thành	Phòng Tài nguyên & MT	2024-2026		5.000	5.000					5.000	5.000			5.000	
37	Cấp giấy chứng nhận QSD đất xã Minh Sơn, Hòa Lạc, Cai Kinh		xã Minh Sơn, Hòa Lạc, Cai Kinh	Phòng Tài nguyên & MT	2024-2026		5.000	5.000					5.000	5.000			5.000	
38	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Hữu Lũng năm 2024			Phòng TN&MT	2024-2026		3.300	3.300					3.300	3.300			3.300	
	Giao thông						36.780	29.494	0	895	895	0	29.308	29.308	9.764	0	19.544	

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
39	Cải tạo vỉa hè đường 19/8 (gần hồ huyện), thị trấn Hữu Lũng		thị trấn	Phòng KT&HT huyện	2022-2023	2346a/QĐ-UBND; 20/6/2022	980	980	5345/QĐ-UBND; 07/11/2023	895	895		980	980	84		896	
40	Via hè đường Chi Lăng (đoạn từ đầu cầu đến ngã tư Bưư điện)		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	4678/QĐ-UBND; 22/11/2022	7.000	7.000					6.814	6.814	4.966		1.848	Giảm bằng TMDT được phê duyệt dự án do giám quy mô dự án
41	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Sơn Hà - Minh Hòa - Minh Sơn (DH 95) GDII	3,7Km	Minh Hòa, Minh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025	5763a/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	5.500	5.500					5.500	5.500			5.500	Dự án có tiến độ thực hiện chậm
42	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường DH98 (Đồng Lai- Góc Hồng) giai đoạn 2	3,3km	xã Nhật Tiến, xã Đồng Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	5763/QĐ-UBND; 29/11/2023	7.000	7.000				0	7.000	7.000			7.000	
43	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ba Nàng, Đồng Bến, Đả Đồ xã Cai Kinh	2,1km	xã Cai Kinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026	5774/QĐ-UBND; 29/11/2023	2.500	2.500					2.500	2.500			2.500	
44	Bê tông hóa đường Chiến Thắng-Hồ Mười, xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2026		12.000	4.714					4.714	4.714	4.714		0	Chuyển sang B3_DITS
45	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường thôn En- thôn Ngòi Na, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	xã Sơn Hà		Phòng Kinh tế & HT	2024 -2026	2632/QĐ-UBND; 26/6/2024	1.800	1.800					1.800	1.800			1.800	
	Y tế						1.422	1.422	0	0	0	0	1.422	1.422	0	0	1.422	
46	Trạm Y tế thị trấn Hữu Lũng		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025	4932/QĐ-UBND; 30/11/2022	1.422	1.422					1.422	1.422			1.422	
	Hạ tầng kỹ thuật						6.845	6.845	0	2.723	564	0	6.840	6.840	5.286	0	1.554	
47	Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất trường Mầm non Lâm Trường cũ, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng		TT Hữu Lũng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023	1271/QĐ-UBND; 29/3/2023	450	450	3484/QĐ-UBND; 19/7/2024	409	409		450	450	41		409	
48	Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất điểm dân cư xã Cai Kinh (UBND xã Cai Kinh cũ), huyện Hữu Lũng		xã Cai Kinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2024	1282/QĐ-UBND; 29/3/2023	300	300					300	300			300	
49	Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất điểm dân cư (Trại chăn nuôi cũ) xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Trung tâm PTQĐ	2023	3266a/QĐ-UBND; 11/8/2023	695	695					690	690			690	
50	Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu đất ACC 78 xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng		xã Sơn Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023	3186/QĐ-UBND, 04/8/2023	200	200	7848/QĐ-UBND; 18/11/2024	155	155		200	200	45		155	
51	Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất điểm dân cư thôn Lót - Bỏ Cắc, xã Minh Sơn		xã Minh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2027		3.000	3.000				0	3.000	3.000	3.000		0	Giảm không thực hiện
52	Dự án bãi đỗ xe xã Yên Thịnh	900m2	xã Yên Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2023	358/QĐ-UBND; 28/01/2022	700	700	2847/QĐ-UBND; 10/7/2023	694			700	700	700		0	Chuyển từ chưa phân bổ lên
53	Dự án bãi đỗ xe xã Hữu Liên	2.200 m2	xã Hữu Liên	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2023	333/QĐ-UBND; 26/01/2022	1.500	1.500	5504/QĐ-UBND; 14/11/2023	1.466			1.500	1.500	1.500		0	Chuyển từ chưa phân bổ lên
	An ninh quốc phòng						6.100	4.100		4.999	3.000	0	4.100	4.100	0	0	4.100	
54	Nâng cấp tuyến đường từ đường 242 vào khu căn cứ chiến đấu (thôn Đồng Khu, xã Minh Tiến)		xã Minh Tiến	Ban chỉ huy Quân sự huyện	2022-2023	2480/QĐ-UBND; 30/6/2022	5.000	3.000	2385/QĐ-UBND; 23/01/2024	4.999	3.000		3.000	3.000	0	0	3.000	
55	Xây dựng một số hạng mục (ngoài hàng) khu căn cứ chiến đấu xã Minh Tiến, huyện Hữu Lũng		xã Minh Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	2005/QĐ-UBND; 26/5/2023	1.100	1.100				0	1.100	1.100			1.100	
	Vốn đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG, các chương trình, đề án khác						51.800	26.062	0	0	0	0	20.460	20.460	13.998	0	6.462	
-	Đề án xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024 - 2030											0	1.500	1.500			1.500	Lồng ghép vốn NS tỉnh; huyện, xã
-	Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới cho xã Hòa Thắng về đích NTM năm 2025						39.800	24.100					13.998	13.998	13.998		0	Chuyển sang Bieu2_DITS

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
-	Chương trình phục hồi và phát triển KTXH			Ban QLDA ĐTXD huyện			12.000	1.962				0	1.962	1.962			1.962	Nguồn NSTW đã phân bổ 10.000 triệu đồng.
-	Các nhiệm vụ quy hoạch												3.000	3.000			3.000	
c	Dự án chuẩn bị đầu tư						17.680	400	0	0	0	0	0	0	0	400	400	
1	Trường Mầm Non xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2026-2028	NQ số 42/NQ-HĐND; 18/9/2024	7.100	100					0	0		100	100	
2	Trường Tiểu Học xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2026-2028	NQ số 42/NQ-HĐND; 18/9/2024	2.700	100					0	0		100	100	
3	Xây mới NVH xã Hòa Sơn		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2026-2028	NQ số 42/NQ-HĐND; 18/9/2024	5.000	100					0	0		100	100	
4	Bê tông hóa đường Đoàn Kết-Trại Đa-Hồ Quýt		xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2026-2028	NQ số 42/NQ-HĐND; 18/9/2024	2.880	100					0	0		100	100	
B	GIÁM DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH VỐN (DANH MỤC CHƯA GIAO CHI TIẾT)						317.420	286.521	0	0	0	0	240.333	240.333	240.333	0	0	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn vốn khác ngân sách huyện						270.234	239.335	0	0	0	0	193.147	193.147	193.147	0	0	
	Quản lý nhà nước; văn hóa						15.000	15.000	0	0	0	0	15.000	15.000	15.000	0	0	
1	Sửa chữa, cải tạo khối nhà 2 tầng; 5 tầng UBND huyện		thị trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025		15.000	15.000					15.000	15.000	15.000		0	
	Khu tái định cư, dân cư						60.000	60.000	0	0	0	0	34.662	34.662	34.662	0	0	
2	Khu dân cư Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng	3 ha	xã Yên Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025		20.000	20.000					14.662	14.662	14.662		0	Giảm vốn do chưa triển khai thực hiện
3	Khu dân cư Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng	3 ha	xã Đồng Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025		20.000	20.000					0	0	0		0	
4	Khu dân cư Cai Kinh, huyện Hữu Lũng	3 ha	xã Cai Kinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025		20.000	20.000					20.000	20.000	20.000		0	Giảm vốn do chưa có nhu cầu đầu tư
	Giao thông, điện, thủy lợi						95.610	85.260	0	0	0	0	73.410	73.410	73.410	0	0	
5	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện DH93 đoạn từ đường DH91 đến UBND xã Thiện Tân.	3,7km	xã Thiện Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		7.000	1.450					1.450	1.450	1.450		0	Chuyển sang Bieu3_DTTs
6	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường huyện DH91 đoạn từ Km7+392 đến Km13+300	5,5 km	Xã Yên Bình - xã Thiện Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		9.900	1.100					1.100	1.100	1.100		0	Chuyển sang Bieu3_DTTs
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường DH94 (Yên Vương Yên Sơn - Cai Kinh) Giai đoạn II	5,4 km	xã Yên Vương, Yên Sơn, Cai Kinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025		6.860	6.860					6.860	6.860	6.860		0	Chuyển sang Bieu3_DTTs
8	Nâng cấp đường nội thị đoạn thôn Ngọc Thành xã Đồng Tân và thôn Dốc Mới 2 xã Sơn Hà (giải Asphalt mặt đường)	1,9km	xã Đồng Tân, xã Sơn Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		8.000	8.000					8.000	8.000	8.000		0	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Hữu Lũng (Đường Ba Đình, Bể Văn Đàn, Thụy Hùng, Chu Văn An, Kim Đồng)	4,6 km	Thị trấn Hữu Lũng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		25.000	25.000					17.150	17.150	17.150		0	
10	Cải tạo, nâng cấp hệ phổ trung tâm thị trấn Hữu Lũng (Đường Bắc Sơn, Xương Giang)	3,2km	Thị trấn Hữu Lũng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		12.000	16.000					12.000	12.000	12.000		0	
11	Xây mới, kiên cố đập Hồ Tác Xã Thanh Sơn	Xây mới, kiên cố nương	Xã thanh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023 - 2025		16.950	16.950					16.950	16.950	16.950		0	
12	Sửa chữa đập và nạo vét Lòng Hồ Ao Sen Xã Đồng Tân	Sửa chữa đập và nạo vét Lòng Hồ	Xã Đồng Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		1.500	1.500					1.500	1.500	1.500		0	
13	Sửa chữa nương, cầu máng Trạm bơm điện Thác Bèn Xã Nhật Tiến	SC cầu máng	Xã Nhật Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		1.200	1.200					1.200	1.200	1.200		0	
14	Sửa chữa Nương Góc Cọng Xã Văn Nham	Sửa chữa nương	Xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		2.100	2.100					2.100	2.100	2.100		0	
15	Sửa chữa Nương Cái Xã Hữu Liên	Sửa chữa nương	Xã Hữu Liên	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		3.300	3.300					3.300	3.300	3.300		0	

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021- 2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021- 2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021- 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH							
													Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
16	Sửa chữa nương đập Ao Sen Xã Yên Vượng	Sửa chữa nương	Xã Yên Vượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		1.800	1.800					1.800	1.800	1.800		0	
	Giáo dục						86.544	69.575	0	0	0	0	60.575	60.575	60.575	0	0	
17	Xây mới nhà 04 phòng chức năng trường Tiểu học 1 xã Văn Nham	Xây mới 04 phòng học chức năng	xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		2.600	50					50	50	50		0	Chuyển sang B2_NTM
18	Xây mới nhà 04 phòng chức năng trường THCS 1 xã Văn Nham	Xây mới 04 phòng học chức năng, 01 khu nhà hiệu bộ	xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		2.600	50					50	50	50		0	Chuyển sang B2_NTM
19	Xây mới nhà 03 phòng chức năng trường THCS 2 xã Văn Nham	03 phòng chức năng	xã Văn Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		2.200	50					50	50	50		0	Chuyển sang B2_NTM
20	Xây mới nhà 02 tầng Trường Tiểu học 1 Thị Trấn Hữu Lũng	Nhà 02 tầng 08 phòng; 06 phòng bộ môn, 02 phòng học và hàng mục phụ trợ khác	Thị Trấn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		7.500	7.500					7.500	7.500	7.500		0	
21	Trường Mầm non xã Đồng Tân	Nhà 02 tầng 06 phòng học và hàng mục phụ trợ	xã Đồng Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		6.000	6.000					6.000	6.000	6.000		0	
22	Trường Tiểu học xã Đồng Tân	Nhà 02 tầng 06 phòng và hàng mục phụ trợ	xã Đồng Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		5.000	5.000					5.000	5.000	5.000		0	
23	Trường Tiểu học xã Yên Bình	Nhà 02 tầng 06 phòng; khu nhà hiệu bộ và hàng mục phụ trợ	xã Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		6.500	6.500					6.500	6.500	6.500		0	
24	Trường THCS xã Yên Bình	Nhà 02 tầng 06 phòng; khu nhà hiệu bộ và hàng mục phụ trợ	xã Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		5.809	1.820					1.820	1.820	1.820		0	Chuyển sang Bieu3_DTTS
25	Trường TH&THCS xã Hòa Bình	Nhà 02 tầng 06 phòng học; phòng chức năng + khu nhà hiệu bộ	xã Hòa Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		5.835	105					105	105	105		0	Chuyển sang Bieu3_DTTS
26	Trường PTDTBT THCS 1 xã Thiện Tân	Nhà 02 tầng 08 phòng và hàng mục phụ trợ	xã Thiện Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025		6.500	6.500					6.500	6.500	6.500		0	
27	Trường PTDTBT Tiểu học 1 xã Thiện Tân	Nhà 02 tầng 04 phòng học bộ môn + khu nhà hiệu bộ và hàng mục phụ trợ	xã Thiện Tân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025		5.000	5.000					4.000	4.000	4.000		0	
28	Trường Mầm non xã Minh Sơn	Nhà 02 tầng 08 phòng; 06 phòng học, 02 phòng chức năng	xã Minh Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025		8.000	8.000					6.000	6.000	6.000		0	
29	Trường Mầm non xã Hòa Sơn	Nhà 02 tầng 08 phòng; 06 phòng học, 02 phòng chức năng	xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025		6.500	6.500					5.000	5.000	5.000		0	
30	Trường THCS xã Nhật Tiến	Nhà 02 tầng 06 phòng	xã Nhật Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025		4.500	4.500					3.000	3.000	3.000		0	
31	Trường THCS xã Hòa Sơn	Nhà 02 tầng 04 phòng học + khu nhà hiệu bộ và hàng mục phụ trợ	xã Hòa Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025		6.000	6.000					4.500	4.500	4.500		0	
32	Trường Mầm non xã Nhật Tiến	Nhà 02 tầng 06 phòng	xã Nhật Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2024-2025		6.000	6.000					4.500	4.500	4.500		0	
	Y tế						4.180	600	0	0	0	0	600	600	600	0	0	
33	Trạm Y tế xã Hồ Sơn		xã Hồ Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2021 - 2023		3.200	100					100	100	100		0	Chuyển sang Bieu2_NTM
34	Trạm Y tế xã Yên Sơn		xã Yên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022 - 2023		980	500					500	500	500		0	

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư			Quyết toán dự án hoàn thành			Lấy kế vốn bỏ trí từ khởi công đến hết năm 2020	KH đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025		Điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025		Tổng Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng giá trị được duyệt			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Giảm	Tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSH		Tổng số	Trong đó: NSH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	10	13	14	17	18	19=13-17+18	20
	Hỗ trợ khác						8.900	8.900	0	0	0	0	8.900	8.900	8.900	0	0	
35	Hỗ trợ xây dựng Trụ sở Công An xã			Các xã	2023 - 2025		5.000	5.000					5.000	5.000	5.000		0	
36	Các công trình quốc phòng khu vực phòng thủ huyện						3.900	3.900					3.900	3.900	3.900		0	
III	Đổi ứng thực hiện các Chương trình MTQG						47.186	47.186	0	0	0	0	47.186	47.186	47.186	0	0	
a	Phân danh mục chi tiết						7.000	7.000				0	7.000	7.000	7.000		0	Chuyển sang B2_NTM, B3_DTTs
1	Nhà văn hóa xã Quyết Thắng	xã Quyết Thắng		Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2024		7.000	7.000					7.000	7.000	7.000		0	
b	Chưa phân danh mục chi tiết						40.186	40.186					40.186	40.186	40.186		0	